



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG VIDIPHA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Kiều Hữu	Chủ tịch
Ông Hoàng Thế Bắc	Thành viên thường trực
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Kiệt	Thành viên
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên
Bà Doãn Thị Ngọc Bội	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 07 năm 2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Văn Hòa
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Số: 35/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.019.451.285.251	744.273.612.790
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	118.503.607.947	71.881.547.052
1. Tiền	111		118.503.607.947	71.881.547.052
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	214.685.836.782	46.216.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		214.685.836.782	46.216.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		279.610.644.820	288.564.859.838
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	242.004.981.999	259.241.638.286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	20.938.432.481	13.968.365.663
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.666.667	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	19.324.644.628	15.354.855.889
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.663.080.955)	-
IV. Hàng tồn kho	140		392.976.919.136	324.588.039.743
1. Hàng tồn kho	141	4.6	392.976.919.136	324.588.039.743
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.674.276.566	13.023.166.157
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		628.567.569	1.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.310.926.722	11.837.164.985
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	734.782.275	1.185.001.172
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166.705.410.349	287.325.422.343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.818.965.555	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		3.783.965.555	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		35.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		146.228.552.996	135.808.434.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	131.301.325.511	122.091.560.862
Nguyên giá	222		324.918.976.035	306.135.230.251
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.617.650.524)	(184.043.669.389)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	14.927.227.485	13.716.873.321
Nguyên giá	228		18.843.484.506	17.408.484.506
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.916.257.021)	(3.691.611.185)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.565.280.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	11.565.280.000	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	5.009.660.000	151.482.764.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.660.000	2.890.460.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	148.592.304.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		82.951.798	34.224.160
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		82.951.798	34.224.160
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.186.156.695.600	1.031.599.035.133

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		575.843.030.461	447.373.440.769
I. Nợ ngắn hạn	310		575.843.030.461	447.373.440.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	85.354.304.630	113.186.732.618
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	14.342.863.286	8.023.793.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	3.485.101.035	4.145.877.680
4. Phải trả người lao động	314	4.13	20.861.310.478	30.791.029.653
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	43.740.061.779	30.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	12.510.185.573	18.317.751.341
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	369.741.707.831	250.722.842.446
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16	25.807.495.849	22.155.413.350
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		610.313.665.139	584.225.594.364
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	610.313.665.139	584.225.594.364
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		168.319.040.000	160.829.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.319.040.000	160.829.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		176.079.519.980	156.910.074.460
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(417.500.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		220.307.114.460	198.887.919.640
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.607.990.699	68.016.060.264
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.115.695.663	7.799.037.999
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.492.295.036	60.217.022.265
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.186.156.695.600	1.031.599.035.133



Hoàng Văn Hòa
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Hoàng Thế Bắc
Kế toán trưởng

Nghiêm Minh Tuấn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	514.838.356.002	367.375.812.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.21	26.365.376.591	6.279.760.906
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		488.472.979.411	361.096.051.376
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	348.504.580.285	268.331.020.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.968.399.126	92.765.031.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	15.779.929.809	18.596.730.228
7. Chi phí tài chính	22	4.24	9.173.766.341	6.815.344.144
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.928.993.500</i>	<i>6.114.159.295</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	74.982.739.817	50.233.408.921
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	26.773.142.356	21.109.746.712
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.818.680.421	33.203.261.477
11. Thu nhập khác	31	4.27	17.719.899.779	32.017.775.839
12. Chi phí khác	32	4.28	14.607.793.117	26.885.288.440
13. Lợi nhuận khác	40		3.112.106.662	5.132.487.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.930.787.083	38.335.748.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.30	9.840.335.570	8.201.157.080
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.090.451.513	30.134.591.796
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	2.274	1.878
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	2.274	1.878



Hoàng Văn Hòa

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Hoàng Thế Bắc

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.930.787.083	38.335.748.876
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.29	9.694.005.757	8.546.774.885
Các khoản dự phòng	03	4.29	2.663.080.955	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(775.090.215)	667.533.194
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.924.994.555)	(18.568.706.228)
Chi phí lãi vay	06	4.24	7.928.993.500	6.114.159.295
Các khoản điều chỉnh khác	07		(598.156.477)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		51.918.626.048	35.095.510.022
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.068.785.668	1.814.823.503
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.388.879.393)	(104.188.480.885)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.958.863.386	(7.856.219.854)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.006.446.036	(27.549.197)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.928.993.500)	(6.114.159.295)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(10.285.856.665)	(8.281.193.202)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.238.386.695
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.060.658.068)	(1.124.360.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.711.666.488)	(89.443.243.122)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.466.767.027)	(15.616.110.334)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(42.312.096.782)	(32.814.404.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.814.404.000	25.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.664.188.413	11.489.096.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.141.606.142	9.235.818.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.158.665.254)	(2.705.599.887)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		27.076.945.520	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.31	444.466.790.015	345.245.016.491
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.32	(325.510.502.415)	(238.943.075.444)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.18.6	(31.597.737.400)	(14.276.743.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		114.435.495.720	92.025.197.477
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		46.565.163.978	(123.645.532)
Tiền và tương đương liền đầu năm	60		71.881.547.052	74.128.959.747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		56.896.917	(24.547.717)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	118.503.607.947	73.980.766.498



Hoàng Văn Hòa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Hoàng Thế Bắc
Kế toán trưởng

Nghiêm Minh Tuấn
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát Triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300470246 ngày 24 tháng 03 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày ngày 18 tháng 03 năm 2022 để tăng vốn.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 168.319.040.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Việt Nam	22.978.340.000	13,65	22.978.340.000	14,29
Các cổ đông khác	Việt Nam	145.340.700.000	86,35	137.850.700.000	85,71
Cộng		168.319.040.000	100	160.829.040.000	100

Mã chứng khoán: VDP

Sàn chứng khoán: HOSE

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 557 (01 tháng 01 năm 2022 là: 530).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại Thành Phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc trang thiết bị y tế;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha Bình Dương	Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha tại Hà Nội	Số BT6-3, Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha	Số 188 Lý Thái Tông, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Chi nhánh Tây Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha	Thửa đất số 1956, tờ bản đồ số 18, KV5, Khu dân cư lô số 6, Khu đô thị mới Nam Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
Chi nhánh Đông Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha	Số 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Trung tâm phát triển mỹ phẩm và dược phẩm	Số 68/118 đường Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Văn phòng đại diện Công ty tại Cần Thơ	Số B109-111, đường D4, KDC Hồng Loan (Nam Cần Thơ), phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2021.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	717.412.136	772.274.616
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.786.195.811	71.109.272.436
Cộng	118.503.607.947	71.881.547.052

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	63.907.936.782	63.907.936.782	46.216.000.000	46.216.000.000
Trái phiếu (**)	150.777.900.000	150.777.900.000	-	-
Cộng	214.685.836.782	214.685.836.782	46.216.000.000	46.216.000.000

Dài hạn:

Trái phiếu (**)	5.000.000.000	5.000.000.000	148.592.304.000	148.592.304.000
-----------------	---------------	---------------	-----------------	-----------------

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,6%/năm đến 7,5%/năm. Các khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 41.216.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Xem thêm Mục 4.17.

(**) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology có kỳ hạn còn lại từ 06 tháng đến 17 tháng với lãi suất từ 6,8%/năm đến 11%/năm và được trả lãi từ 03 tháng/lần đến 06 tháng/lần. Trong đó, khoản trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với giá trị 5.000.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Xem thêm Mục 4.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2022
VND

Tại ngày 01/01/2022
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	9.660.000	265.374.000	-	9.660.000	246.570.906	-
Công ty CP Hóa Dược Phẩm Mekophar	-	-	-	2.880.800.000	5.662.800.000	-
Cộng	9.660.000			2.890.460.000		

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết trên sản giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	13.649.546.400	12.293.926.050
Công ty Cổ phần Armypharm	13.888.095.422	13.281.822.861
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Đại Đức Hưng	9.007.712.413	5.992.879.291
Công ty TNHH Thế Thảo	7.668.486.731	2.979.559.366
Các khách hàng khác (*)	197.791.141.033	224.693.450.718
Cộng	242.004.981.999	259.241.638.286

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Bà Dương Thị Bích Mười (*)	13.056.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	1.909.940.000	-
Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd	-	4.546.474.800
Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng và Đào tạo Kiến Thiết Việt	-	1.534.207.047
Các nhà cung cấp khác (**)	5.972.492.481	7.887.683.816
Cộng	20.938.432.481	13.968.365.663

(*) Là khoản ứng trước tiền để mua các quyền sử dụng đất tại Khu TĐC Hoà Minh 1, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

(**) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	437.502.604	-	1.153.271.699	-
Tạm ứng	9.984.540.028	-	8.643.302.396	-
Phải thu BHXH, BHYT	1.721.170.968	-	1.811.938.739	-
Phải thu khác (*)	7.181.431.028	-	3.746.343.055	-
Cộng	19.324.644.628	-	15.354.855.889	-

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải thu khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	272.952.641.327	-	222.721.377.934	-
Công cụ, dụng cụ	4.743.152.098	-	3.266.677.945	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.596.984.015	-	11.046.919.678	-
Thành phẩm	101.867.813.493	-	86.348.759.443	-
Hàng hóa	816.328.203	-	1.204.304.743	-
Cộng	392.976.919.136	-	324.588.039.743	-

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là khoản tiền mua quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	118.176.910.924	170.033.645.112	13.023.477.191	4.901.197.024	306.135.230.251
Mua trong kỳ	3.183.118.504	14.144.446.241	826.445.454	103.180.000	18.257.190.199
Đầu tư XDCB hoàn thành	459.416.824	67.138.761	-	-	526.555.585
Tại ngày 30/06/2022	121.819.446.252	184.245.230.114	13.849.922.645	5.004.377.024	324.918.976.035
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	45.602.111.281	126.412.758.040	7.127.603.044	4.901.197.024	184.043.669.389
Khấu hao trong kỳ	2.209.911.185	6.432.677.427	926.376.827	5.015.696	9.573.981.135
Tại ngày 30/06/2022	47.812.022.466	132.845.435.467	8.053.979.871	4.906.212.720	193.617.650.524
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	72.574.799.643	43.620.887.072	5.895.874.147	-	122.091.560.862
Tại ngày 30/06/2022	74.007.423.786	51.399.794.647	5.795.942.774	98.164.304	131.301.325.511

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.266.552.856 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	15.306.284.506	2.102.200.000	17.408.484.506
Mua trong kỳ	-	1.435.000.000	1.435.000.000
Tại ngày 30/06/2022	15.306.284.506	3.537.200.000	18.843.484.506
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	2.736.812.564	954.798.621	3.691.611.185
Khấu hao trong kỳ	102.158.334	122.487.502	224.645.836
Tại ngày 30/06/2022	2.838.970.898	1.077.286.123	3.916.257.021
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	12.569.471.942	1.147.401.379	13.716.873.321
Tại ngày 30/06/2022	12.467.313.608	2.459.913.877	14.927.227.485

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 765.000.000 VND.

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Orchid Pharma Limited	25.592.087.500	25.592.087.500	-	-
Linaria Chemicals Thailand Limited	13.042.790.600	13.042.790.600	4.848.499.000	4.848.499.000
KHS Synchemica Corp.	2.889.497.500	2.889.497.500	10.662.397.500	10.662.397.500
Công ty Cổ phần PYMEPHARCO	162.630.003	162.630.003	33.673.440.003	33.673.440.003
Siegfried Ltd	-	-	10.515.600.000	10.515.600.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	43.667.299.027	43.667.299.027	53.486.796.115	53.486.796.115
Cộng	85.354.304.630	85.354.304.630	113.186.732.618	113.186.732.618

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Med Arrgo Impex Inc.	5.074.230.063	2.736.042.636
Ban Quản Lý Dự Án Ô "Dự Án Quỹ Toàn Cầu Phòng Chống HIV/AIDS"	-	4.130.000.000
Các khách hàng khác (*)	9.268.633.223	1.157.751.045
Cộng	14.342.863.286	8.023.793.681

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản khách hàng trả tiền trước ngắn hạn khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số người mua trả tiền trước ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	704.288.837	-	7.833.253.256	7.352.540.921	1.185.001.172	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.485.101.035	9.840.335.570	10.285.856.665	-	3.930.622.130
Thuế thu nhập cá nhân	30.493.438	-	2.693.190.055	2.938.939.043	-	215.255.550
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.078.276.666	2.078.276.666	-	-
Các loại thuế khác	-	-	76.280.000	76.280.000	-	-
Cộng	734.782.275	3.485.101.035	22.521.335.547	22.731.893.295	1.185.001.172	4.145.877.680

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người lao động**

Là khoản lương và thưởng năm 2022 phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2022.

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước chi phí cam kết bán hàng (*)	31.038.165.282	-
Trích trước chi phí chương trình hậu mãi (**)	5.000.000.000	-
Trích trước chi phí liên lương	3.969.073.000	-
Các khoản trích trước khác	3.732.823.497	30.000.000
Cộng	43.740.061.779	30.000.000

(*) Là khoản trích trước chi phí cam kết bán hàng theo Chương trình bán hàng số 1130/QĐ-VDP ngày 24 tháng 12 năm 2021. Khoản trích trước này sẽ được Công ty tổng kết và ghi nhận vào các khoản giảm trừ doanh thu khi chương trình bán hàng kết thúc.

(**) Là khoản trích trước chi phí cho chương trình hậu mãi "Hợp tác thân thiết - Lợi ích lâu dài 2022" theo Thông báo số 292/TB.VDP ngày 25 tháng 12 năm 2021.

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	871.139.161	807.480.908
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	577.406.329	460.588.259
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.707.054.052	3.640.983.452
Phải trả tiền mua cổ phiếu ESOP	-	8.462.633.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.354.586.031	4.946.065.222
Cộng	12.510.185.573	18.317.751.341

4.16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2022	22.155.413.350
Trích trong kỳ	4.817.361.781
Chi trong kỳ	(1.165.279.282)
Tại ngày 30/06/2022	25.807.495.849

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	46.712.851.355	46.712.851.355	57.616.987.376	21.276.011.078	10.371.875.057	10.371.875.057
Ngân hàng TMCP Quân Đội	28.734.613.520	28.734.613.520	58.540.301.148	33.984.693.558	4.179.005.930	4.179.005.930
Ngân hàng Shinhanbank	54.468.700.541	54.468.700.541	79.533.433.751	75.486.896.983	50.422.163.773	50.422.163.773
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	150.251.692.535	150.251.692.535	150.264.795.645	144.720.787.147	144.707.684.037	144.707.684.037
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	43.275.378.795	43.275.378.795	50.275.378.795	48.042.113.649	41.042.113.649	41.042.113.649
Ngân hàng United Overseas Bank	46.298.471.085	46.298.471.085	48.298.471.085	2.000.000.000	-	-
Cộng	369.741.707.831	369.741.707.831	444.529.367.800	325.510.502.415	250.722.842.446	250.722.842.446

Các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn bằng VND và USD nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chịu lãi suất từ 4,0% đến 5,5%/năm với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Trong đó các khoản vay được thế chấp, cầm cố, đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu như sau – Xem thêm Mục 4.2:

- Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn với giá trị 36.216.000.000 VND.
- Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu với giá trị 5.000.000.000 VND.
- Khoản trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị 5.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	160.829.040.000	156.910.074.460	(417.500.000)	181.886.810.223	44.864.165.974	544.072.590.657
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	30.134.591.796	30.134.591.796
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(16.049.504.000)	(16.049.504.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2020	-	-	-	17.001.109.417	(17.001.109.417)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020	-	-	-	-	(4.014.514.558)	(4.014.514.558)
Tại ngày 30/06/2021	160.829.040.000	156.910.074.460	(417.500.000)	198.887.919.640	37.933.629.795	554.143.163.895
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	30.082.430.469	30.082.430.469
Tại ngày 01/01/2022	160.829.040.000	156.910.074.460	(417.500.000)	198.887.919.640	68.016.060.264	584.225.594.364
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay (*)	7.490.000.000	18.370.723.000	-	-	-	25.860.723.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	798.722.520	417.500.000	-	-	1.216.222.520
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	38.090.451.513	38.090.451.513
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	-	-	-	21.419.194.820	(21.419.194.820)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021	-	-	-	-	(4.817.361.781)	(4.817.361.781)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(33.663.808.000)	(33.663.808.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(598.156.477)	(598.156.477)
Tại ngày 30/06/2022	168.319.040.000	176.079.519.980	-	220.307.114.460	45.607.990.699	610.313.665.139

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐHĐCĐ-VDP ngày 23 tháng 04 năm 2022.

(*) Ngày 17 tháng 01 năm 2022, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 02-NQ/ĐHĐCĐ-VDP của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 13 tháng 11 năm 2021 và Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2021 với 749.000 cổ phiếu đã được phát hành theo giá là 34.527 đồng/cổ phiếu. Ngày 26 tháng 01 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 526/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty – Xem thêm Mục 4.18.8

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22.978.340.000	22.978.340.000
Vốn góp của các đối tượng khác	145.340.700.000	137.850.700.000
Cộng	168.319.040.000	160.829.040.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	160.829.040.000	160.829.040.000
Vốn góp tăng trong kỳ	7.490.000.000	-
Vốn góp tại ngày 30/06	168.319.040.000	160.829.040.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	16.831.904	16.082.904
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.831.904	16.082.904
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	33.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.831.904	16.049.504

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.090.451.513	30.134.591.796
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	38.090.451.513	30.134.591.796
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	16.748.651	16.049.504
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.274	1.878

Ban Tổng Giám đốc Công ty không xác định số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ kế toán giữa niên độ. Vì vậy, chỉ tiêu Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong kỳ này và kỳ so sánh được tính toán dựa trên số liệu chưa được trừ số tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

4.18.6. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	31.597.737.400	14.276.743.570

4.18.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	198.887.919.640
Trích trong kỳ	21.419.194.820
Tại ngày 30/06/2022	220.307.114.460

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.8. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

<u>Số thứ tự</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2022</u>
1.	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
2.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
4.	Số lượng cổ phiếu chào bán	3.300.000 cổ phiếu	749.000 cổ phiếu
5.	Giá phát hành	32.720 đồng/cổ phiếu	34.527 đồng/cổ phiếu
6.	Hình thức chào bán	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động
7.	Ngày bắt đầu chào bán	11/12/2020	05/01/2022
8.	Ngày hoàn thành đợt chào bán	18/12/2020	17/01/2022
9.	Tổng số cổ phiếu đã bán	3.300.000 cổ phiếu	749.000 cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2022</u>
Số lượng cổ phiếu	3.300.000	749.000
Giá bán (VND/cổ phiếu)	32.720	34.527
Thành tiền (VND)	107.976.000.000	25.860.723.000

Phương án sử dụng vốn và tình hình sử dụng vốn cho các đợt phát hành cổ phiếu:

- Bổ sung vốn lưu động: 73.836.723.000 VND.
- Bổ sung, thay thế, nâng cấp trang thiết bị sản xuất, bản quản thuốc, mỹ phẩm: 48.000.000.000 VND. Lũy kế đến 30/06/2022, Công ty đã sử dụng nguồn vốn trên để đầu tư mua sắm tài sản cố định với tổng giá trị là 43.677.805.079 VND.
- Bổ sung, nâng cấp hệ thống đảm bảo điều kiện sản xuất: 12.000.000.000 VND.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 30/06/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	94.106,60	23.722,02
	<u>Tại ngày 30/06/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>

Nợ khó đòi đã xử lý:

Trần Đình Tâm	1.329.524.179	1.329.524.179
Trung tâm y tế Khánh Sơn	268.075.890	268.075.890
Công ty TNHH NN MTV Dược TYT Quảng Ngãi	122.126.602	122.126.602

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Doanh thu bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	509.821.709.440	367.328.345.782
Doanh thu bán hàng hóa	5.016.646.562	47.466.500
Cộng	514.838.356.002	367.375.812.282

Doanh thu bán hàng kỳ này tăng hơn 40% so với kỳ trước là do Công ty đẩy mạnh thêm các chương bán hàng nên số lượng hàng bán tăng mạnh.

4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	9.538.004.222	5.570.480.615
Hàng bán bị trả lại	16.827.372.369	709.280.291
Cộng	26.365.376.591	6.279.760.906

Các khoản giảm trừ doanh thu kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước tương ứng với việc đẩy mạnh các chương trình bán hàng của Công ty như thuyết minh tại Mục 4.20.

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	344.021.569.279	267.914.422.559
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.483.011.006	416.597.791
Cộng	348.504.580.285	268.331.020.350

Giá vốn hàng bán kỳ này tăng hơn 29% so với kỳ trước, nguyên nhân do:

- Công ty đẩy mạnh thêm các chương trình bán hàng nên sản lượng thành phẩm, hàng hoá bán ra trong kỳ tăng.
- Do việc dự trữ lượng lớn nguồn nguyên vật liệu vào cuối năm trước nên Công ty không bị ảnh hưởng bởi biến động tăng của giá nguyên vật liệu đầu vào trong kỳ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	10.855.550.442	9.210.569.828
Lãi cho vay	276.825.300	-
Lãi từ bán các khoản đầu tư	3.783.388.413	8.950.720.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.230.400	435.440.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	854.935.254	-
Cộng	15.779.929.809	18.596.730.228

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	7.928.993.500	6.114.159.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.244.772.841	673.160.849
Chi phí tài chính khác	-	28.024.000
Cộng	9.173.766.341	6.815.344.144

Chi phí tài chính kỳ này tăng hơn 34% so với kỳ trước là do Công ty tăng các khoản vay để hỗ trợ vốn lưu động trong kỳ làm chi phí lãi vay tăng.

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	22.629.638.884	21.369.147.540
Chi phí vật liệu, bao bì	1.493.379.387	2.316.630.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.488.728	101.488.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.563.655.313	5.374.050.617
Chi phí bằng tiền khác	7.156.412.223	1.918.731.887
Chi phí cam kết bán hàng	31.038.165.282	19.153.360.000
Chi phí chương trình hậu mãi	5.000.000.000	-
Cộng	74.982.739.817	50.233.408.921

Chi phí bán hàng kỳ này tăng hơn 39% so với kỳ trước là do các khoản lương thưởng của bộ phận bán hàng tăng tương ứng với việc tăng doanh thu và các khoản tăng chi phí có liên quan đến việc thực hiện cam kết bán hàng theo chương trình ổn định giá và chương trình hậu mãi của Công ty.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.829.924.694	12.174.336.921
Chi phí vật liệu, bao bì	29.963.672	75.970.569
Chi phí đồ dùng văn phòng	485.804.761	442.013.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.354.385.291	1.214.584.314
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.663.080.955	-
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.089.276.666	461.241.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.728.143.922	1.758.324.873
Chi phí bằng tiền khác	4.592.562.395	4.983.275.626
Cộng	26.773.142.356	21.109.746.712

4.27. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bán nguyên vật liệu	16.898.829.613	30.989.201.499
Thu nhập khác	821.070.166	1.028.574.340
Cộng	17.719.899.779	32.017.775.839

Thu nhập khác kỳ này giảm hơn 44% so với kỳ trước là do Công ty có xu hướng trừ hàng nhiều hơn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính khi giá nguyên vật liệu trên thị trường đang biến động.

4.28. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí bán nguyên vật liệu	12.566.438.404	26.884.123.998
Thanh lý thuốc hết hạn, bị thu hồi, hư hỏng	1.026.814.933	-
Chi phí thuê kho, dịch vụ bảo quản	1.008.000.000	-
Các khoản khác	6.539.780	1.164.442
Cộng	14.607.793.117	26.885.288.440

Chi phí khác kỳ này giảm hơn 45% so với kỳ trước là do hoạt động kinh doanh nguyên vật liệu trong kỳ giảm như thuyết minh tại Mục 4.27

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.814.863.270	273.569.314.957
Chi phí nhân công	53.242.922.908	49.025.242.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.694.005.757	8.546.774.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.519.806.866	12.097.826.093
Chi phí dự phòng	2.663.080.955	-
Chi phí khác bằng tiền	51.577.053.844	27.479.199.235
Cộng	462.511.733.600	370.718.357.750

4.30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	47.930.787.083	38.335.748.876
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.337.018.084	3.105.476.924
Trừ: Thu nhập miễn thuế	(9.230.400)	(435.440.400)
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(56.896.917)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	49.201.677.850	41.005.785.400
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	9.840.335.570	8.201.157.080
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	9.840.335.570	8.201.157.080

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.31. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	444.466.790.015	345.245.016.491

4.32. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	325.510.502.415	238.943.075.444

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.33. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu và Công ty chỉ hoạt động ở Việt Nam. Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4.34. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về cho vay hỗ trợ nhân viên mua cổ phiếu ESOP:		
Ông Hoàng Văn Hoà - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	891.620.000	-
Ông Hoàng Thế Bắc - Thành viên HĐQT	333.333.333	-
Cộng	1.224.953.333	-

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho vay:		
Ông Hoàng Văn Hoà - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.071.620.000	-
Ông Hoàng Thế Bắc - Thành viên HĐQT	400.000.000	-
Cộng	1.471.620.000	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận thanh toán gốc vay:		
Ông Hoàng Văn Hoà - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	180.000.000	-
Ông Hoàng Thế Bắc - Thành viên HĐQT	66.666.667	-
Cộng	246.666.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Kiều Hữu - Chủ tịch HĐQT	485.181.500	355.528.615
Ông Hoàng Thế Bắc - Thành viên HĐQT	374.003.800	299.085.000
Ông Hoàng Văn Hòa - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	598.780.208	488.095.383
Ông Lê Bửu Trương - Phó Tổng Giám đốc	-	240.963.554
Ông Phạm Tuấn Kiệt - Thành viên HĐQT	120.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Đạt - Thành viên HĐQT	120.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Trần Hiếu - Thành viên HĐQT	120.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Hải Dương - Thành viên HĐQT	120.000.000	96.000.000
Cộng	1.937.965.508	1.635.672.552

4.35. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Anh Tuấn - Trưởng ban Kiểm soát	64.000.000	16.000.000
Ông Nguyễn Quang Toán - Thành viên	229.376.756	169.865.559
Bà Doãn Thị Ngọc Bội - Thành viên	233.407.192	66.640.423
Bà Nguyễn Thị Hậu - Thành viên	-	22.000.000
Ông Phí Ngọc Tú - Trưởng ban Kiểm soát	-	38.500.000
Cộng	526.783.948	313.005.982

4.36. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê kho và cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình từ 2 năm đến 5 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.329.962.000	1.305.261.818

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.063.750.000	2.906.050.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.182.400.000	1.859.400.000
Cộng	4.246.150.000	4.765.450.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.37. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất;
 - + Rủi ro tiền tệ;
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.503.607.947	71.881.547.052
Phải thu khách hàng và phải thu khác	249.623.915.631	264.141.253.040
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	219.685.836.782	194.808.304.000
Cộng	587.813.360.360	530.831.104.092
Công nợ tài chính:		
Vay	369.751.707.831	250.722.842.446
Phải trả người bán và phải trả khác	90.698.890.661	118.132.797.840
Chi phí phải trả	43.740.061.779	30.000.000
Cộng	504.190.660.271	368.885.640.286

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Rủi ro tín dụng**

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền và tương đương tiền	118.503.607.947	71.881.547.052
Phải thu khách hàng và phải thu khác	249.623.915.631	264.141.253.040
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	219.685.836.782	194.808.304.000
Cộng	587.813.360.360	530.831.104.092

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay VND	Phải trả người bán và phải trả khác VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	369.751.707.831	90.698.890.661	43.740.061.779	504.190.660.271
Tại ngày 30/06/2022	369.751.707.831	90.698.890.661	43.740.061.779	504.190.660.271
	Vay VND	Phải trả người bán và phải trả khác VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	250.722.842.446	118.132.797.840	30.000.000	368.885.640.286
Tại ngày 01/01/2022	250.722.842.446	118.132.797.840	30.000.000	368.885.640.286

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Hiện tại, Công ty không nắm giữ các khoản vay và nợ phải thu có bản chất dài hạn. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất cố định	369.751.707.831	250.722.842.446

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và khác VND	Tiền và tương đương tiền VND	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2022				
VND	247.366.332.366	116.312.806.299	219.685.836.782	583.364.975.447
Đô la Mỹ	2.257.583.265	2.190.801.648	-	4.448.384.913
Cộng	<u>249.623.915.631</u>	<u>118.503.607.947</u>	<u>219.685.836.782</u>	<u>587.813.360.360</u>
Tại ngày 01/01/2022				
VND	261.759.084.017	71.346.001.334	194.808.304.000	527.913.389.351
Đô la Mỹ	2.382.169.023	535.545.718	-	2.917.714.741
Cộng	<u>264.141.253.040</u>	<u>71.881.547.052</u>	<u>194.808.304.000</u>	<u>530.831.104.092</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Vay VND	Phải trả thương mại và khác VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2022				
VND	367.265.579.418	36.220.903.066	43.740.061.779	447.226.544.263
Đô la Mỹ	2.486.128.413	54.477.987.595	-	56.964.116.008
Cộng	369.751.707.831	90.698.890.661	43.740.061.779	504.190.660.271
Tại ngày 01/01/2022				
VND	246.703.177.996	83.433.516.828	30.000.000	330.166.694.824
Đô la Mỹ	4.019.664.450	34.699.281.012	-	38.718.945.462
Cộng	250.722.842.446	118.132.797.840	30.000.000	368.885.640.286

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 4.201.347.975 VND (Kỳ trước: 3.445.250.054 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối kỳ không phản ánh rủi ro trong suốt kỳ. Trên thực tế, doanh thu bán hàng bằng VND có tính thời vụ với một khối lượng bán thấp hơn vào quý sau cùng, đưa đến khoản phải thu bằng VND thấp hơn vào cuối kỳ.

Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Như được nêu trong chính sách rủi ro tài chính của Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Công ty chỉ đầu tư các thanh khoản tạm thời nhận rồi vào cổ phiếu và các công cụ tương tự. Công ty bị cầm đầu tư vào các công cụ phái sinh nhằm mục đích đầu cơ.

Vào ngày 30/06/2022, Công ty đang nắm giữ một số cổ phiếu sẵn sàng để bán của các công ty niêm yết tại thị trường chứng khoán Hà Nội. Do vậy, các khoản đầu tư này chịu những rủi ro về thay đổi giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Phân tích độ nhạy cảm

Các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Hà Nội chịu rủi ro về giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của những tài sản này vào ngày 30/06/2022 tổng cộng là 265.374.000 VND. Một khoản tăng/ giảm 10% giá trị hợp lý của những tài sản này – là mức tăng/giảm hợp lý có thể xảy ra vào cuối kỳ kế toán kết thúc vào 31/12/2022 theo ước tính của Ban Giám đốc – sẽ đưa đến một khoản tăng/giảm về thu nhập khác là 26.537.400 VND (Kỳ trước: 383.229.420 VND). Số liệu này không phân rủi ro tiền tệ đã được xem xét trong phần phân tích rủi ro ngoại tệ.

4.38. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2022 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Hoàng Văn Hòa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Hoàng Thế Bắc
Kế toán trưởng

Nghiêm Minh Tuấn
Người lập

